

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **264** /2023/DS-PT
Ngày: 21-7-2023
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị TH Giang

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Vũ

Ông Trần Quốc Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Hẻm 68, đường CMT, Tổ T, Khu phố B, Phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D: Ông Lê TH Đ, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp viên pháp lý tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Ấp BT, xã BM, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (đã chết ngày 02-11-2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M: Bà Nguyễn Thị NG, sinh năm 1970; Ông Nguyễn Văn CH, sinh năm 1989; Ông Nguyễn Văn TH, sinh năm 1993; Ông Nguyễn TH PH, sinh năm 2005; Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp Tua Hai,

xã Đồng Khởi, huyện CH Thành, tỉnh Tây Ninh. (Ông TH có mặt, bà NG, ông CH, ông PH vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị NG, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 4, ấp Tua Hai, xã Đồng Khởi, huyện CH Thành, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

+ Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1980; (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị HA, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 405, Quốc lộ 22B, ấp BT, xã BM, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà HA: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 405, Quốc lộ 22B, ấp BT, xã BM, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-11-2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Khoảng năm 1990, bà Hồ Kim Phụng có vay tiền của bà. Tuy nhiên, bà Phụng có nợ tiền ngân hàng và đất của bà Phụng bị thi hành án kê biên và bán đấu giá, lúc này là phần đất trống có hàng rào bao xung quanh toàn bộ phần đất bằng hàng rào kẽm gai. Do biết được thông tin nên bà đã nhận chuyển nhượng phần đất của bà Phụng, hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng tại Ủy ban nhân dân xã BM và được Ủy ban xác nhận đóng dấu.

Năm 1994, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 220m² (NGng 10m, dài 22m). Năm 2009, bà khởi kiện ông Nguyễn Văn Bảy tranh chấp quyền sử dụng đất và Tòa án đã xét xử xác định diện tích đất của bà là NGng 9m, dài 20m nhưng bà chưa làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà xác định vị trí đất của bà là từ bên trong cây trụ điện hiện hữu, cách trụ điện 0,5m, dài xuống 20m.

Bà phát hiện phần đất của ông M hiện đang do ông Q sử dụng, đã xây lấn chiếm đất của bà nên khởi kiện yêu cầu ông M trả lại diện tích đã lấn chiếm là 72m², phần đất thuộc một phần thửa 217, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp BT, xã BM, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, cụ thể phần đất bà bị lấn chiếm là phần diện tích đất NGng 9m, dài 8m được đo từ tường rào lưới B40 do ông Q xây dựng dài vô 8m.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Nguồn gốc đất là của cha mẹ ruột ông M là ông Nguyễn Văn Tốt (đã chết), bà Trần Thị Lệ (đã chết). Sau khi cha mẹ ông M chết thì các anh chị em

ký tên thống nhất cho ông M, bà NG đứng tên quyền sử dụng đất. Sau này, ông M chuyển nhượng phần đất này cho vợ chồng ông Q, các bên đã giao nhận đủ tiền chuyển nhượng và hiện ông Q cũng đã xây nhà xưởng trên đất. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện vẫn đang đứng tên ông M, bà Nguyễn Thị NG vì bà NG chưa ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Q để làm thủ tục sang tên. Từ trước đến nay, ông M vẫn sử dụng đúng diện tích đất được cấp và chuyển nhượng đúng diện tích cũng như ranh giới đất giữa các bên nên việc bà D khởi kiện yêu cầu ông M trả lại diện tích đã lấn chiếm là 72m², ông không đồng ý. Ông không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- ông Phạm Văn Q, bà Nguyễn Thị HA trình bày:

Ông bà xác định phần đất bà D đang khởi kiện ông M là phần đất vợ chồng ông bà đã nhận chuyển nhượng, đã giao đủ tiền và hiện vợ chồng ông bà đã xây nhà xưởng và đang quản lý, sử dụng phần đất này. Thời điểm ông bà nhận chuyển nhượng thì ông M có chỉ ranh vị trí đất và ông bà vẫn sử dụng đúng ranh đất, không lấn chiếm đất của bà D nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D. Mặc dù các bên đã bàn giao đủ tiền nhưng vợ chồng ông chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị NG chưa ký tên hợp đồng nên hiện bà NG, ông M vẫn đang đứng tên quyền sử dụng đất. Ông bà không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông bà và bà NG, ông M cũng như không có yêu cầu giải quyết bồi thường đối với các công trình tài sản trên vị trí đất tranh chấp mà ông bà đã xây dựng trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị NG (vợ ông M) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà NG từ chối nhận giấy tờ và không trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với ông Nguyễn Văn M về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ chịu 21.888.000 đồng. Ghi nhận bà D đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D được miễn tiền án phí theo quy định.

Ngày 09-9-2022, nguyên đơn bà D kháng cáo sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: bà giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu phía ông M và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M có trách nhiệm trả lại cho bà phần đất NGng 9m x dài 8m, đất hiện do ông M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà xác định vị trí đất tranh chấp là từ hàng rào tường xây lưới B40 cuối đất của bà kéo thẳng xuống NGng 9m x dài 8m là đất thuộc quyền sử dụng của bà, trên cơ sở sau: Nguồn gốc đất là bà sang nhượng từ bà Phụng, đến năm 1994 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 220 m² (NGng 10m x dài 22m), đến năm 2009 có tranh chấp đất, tại bản án số 21/2011/DSPT ngày 21-01-2011 của Tòa án tỉnh Tây Ninh xác định diện tích đất của bà là NGng 09 m x dài 20m, nhưng thực tế hiện nay đất bà chiều dài không đủ 20m. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận kháng cáo, chấp nhận khởi kiện của bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D trình bày: Năm 1994 bà D được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đến năm 2011 được giải quyết bằng bản án có hiệu lực thì bà D được quyền sử dụng diện tích đất NGng 09m x dài 20m là phù hợp, tuy nhiên giấy đất bà D được cấp là sát mép đường đo vào là chưa phù hợp. Cấp phúc thẩm chưa xem xét việc xác định vị trí đất theo giấy chứng nhận được cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Văn Q trình bày: Phần đất bà D tranh chấp hiện do vợ chồng ông quản lý, sử dụng trên cơ sở sang nhượng đất từ ông M đã giao đủ tiền nhưng chưa hoàn thành thủ tục sang tên, không đồng ý kháng cáo của bà D vì vợ chồng ông sử dụng đúng với diện tích đất do ông M sang nhượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội D: Sau khi có bản án số 21/2011/DSPT ngày 21-01-2021 của Tòa án tỉnh Tây Ninh xác định diện tích đất của bà D NGng 09m x dài 20m. Ranh đất giữa bà D ông M đã ổn định, bà D cho rằng chiều dài đất của bà phải xác định là từ sau trụ điện vô 0,5 m kéo thẳng xuống 20m là không có căn cứ, bởi lẽ: Trụ điện hiện hữu đã có trước năm 2015 không có thay đổi như bà trình bày. Sở Giao thông vận tải và Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Tây Ninh trả lời về việc xác định tim đường, mép đường và mốc tính diện tích đất, mặt

đường 6m, lề đường là 0,5m, mốc tính diện tích đất của bà D đã phù hợp. Đề nghị, không chấp nhận kháng cáo của bà D. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09-9-2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo, qua xem xét trình tự thủ tục kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn M đã chết vào ngày 02-11-2022, đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M tham gia tố tụng theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự là bà Nguyễn Thị NG, Nguyễn Văn CH, Nguyễn TH PH đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị HA vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn Q. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu ông M và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M trả lại diện đất lấn chiếm 72 m² về phía đất hậu của bà. Phía bị đơn ông M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q bà HA không đồng ý khởi kiện của bà D. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Ngày 04-10-1994, bà Nguyễn Thị D được Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây ninh) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 220m² đất tọa lạc tại ấp BT, xã BM, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đất mặt tiền giáp Quốc lộ 22B, nguồn gốc đất là bà D sang nhượng của bà Hồ Kim Phụng theo giấy tay “*Tờ nhượng đất*” ngày 25-5-1992, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã BM, qua xem xét giấy tay trên không có cơ quan địa chính đo đạc xác định tứ cận và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D đã bị thất lạc theo bản án số 109/2010/DSST ngày 31-8-2010 của TAND thị xã Tây Ninh và bản án số 21/2011/DSPT ngày 21-01-2011 của Tòa án tỉnh Tây Ninh đã nêu và bản án xác định diện tích đất của bà D là NGng 09m x dài 20m, từ khi sang nhượng cho đến hiện nay (30 năm) bà D không có trực tiếp quản lý, sử dụng đất, nên diện tích đất của bà bà xác định là NGng 09m x dài 20m là có căn cứ.

[3.2] Đối với đất của bị đơn Nguyễn Văn M và gia đình sử dụng giáp ranh với đất bà D phía hậu có diện tích là 2.880 m² do ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị NG được UBND thị xã Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10-10-2011. Như vậy, diện tích đất của bị đơn được cấp sau bà D.

[4] Xét diện tích đất tranh chấp: Phía bà Phụng xác định diện tích đất của bà là từ vị trí trụ điện vô 0,5m kéo ra phía sau hậu dài 20m là đúng đất của bà. Theo cách xác định này thì chiều dài của đất đến vị trí 20 m sẽ nằm tại sân nền xi măng nhà xưởng của ông Q đang quản lý, sử dụng (ông Q sang nhượng đất của ông M mà chưa sang tên giấy đất) như vậy bà D không xác định được ranh giới, điểm mốc của đất bà.

[5] Qua xem xét hiện trạng đất của bà D là đất trống, phía cuối đất hậu giáp với đất ông Q đang sử dụng là bức tường xây gạch đỏ không tô cao 0,5m do bà Bích người thuê đất của bà D xây vào năm 2018 theo bà Bích trình bày tại BL191-192: *“Khi thuê đất của bà D thì phía sau có trụ lực, theo ông M chỉ đó là ranh giới đất giữa đất bà D và ông M tôi có xây bức tường giáp mí trụ lực”*. Tại BL183 biên bản lấy lời khai của bà D vào ngày 25-3-2022 thể hiện: *“Thời điểm bà Bích thuê đất là đất trống vị trí ranh đất của tôi tôi xác định từ trụ điện của nhà nước vô 1,5m dài tới đủ đất... Trụ điện có từ khi tôi mua đất của bà Phụng, trụ điện này không bị xê dịch vị trí hay thay đổi gì”* lời trình bày của bà D mâu thuẫn với các tài liệu sau: BL197 Biên bản xác minh Trưởng ấp BT, xã BM trình bày *“Trước đây tại vị trí đất của bà D không có trụ điện... đến khoảng năm 2014 – 2015 xã BM được công nhận nông thôn mới, thời điểm này mới hạ bình điện (cắm cây trụ điện) tại vị trí đất bà D”*; Tại BL196 Biên bản xác minh ngày 09-5-2022 đối với Điện lực Thành phố Tây Ninh, thể hiện: *“Trụ điện 93/34P/1 P tại vị trí Quốc lộ 22B vị trí ấp BT, xã BM, thị xã tây Ninh được xây dựng lần đầu vào khoảng cuối năm 2015 đầu năm 2016”*, với các tài liệu trên có cơ sở xác định bà D cho rằng trụ điện có từ thời điểm bà mua đất năm 1992 là không đúng.

[5.1] Xét diện tích 72 m² đất tranh chấp bà D cho rằng phía bị đơn lấn chiếm nhưng không chứng minh được điểm mốc, giới hạn của diện tích đất, tại các vị trí bà D chỉ là nền xi măng và tường nhà xưởng của ông Q đang sử dụng. Theo Văn bản số 920/SGTVT ngày 12-8-2022 của Sở Giao thông Vận tải Tây Ninh thì thời điểm bà D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 hiện trạng mặt đường là 6m, lề mỗi bên trung bình là 0,5m, theo sơ đồ cấp giấy đất và qua xác minh tại UBND xã BM (BL 260) và xác minh tại Văn Phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Thành phố Tây Ninh (BL261) xác định vị trí đất mà bà D được cấp là từ sát mép đường Quốc lộ 22B trở vô tức là tính từ tim đường vô 3,5m, không trừ lộ giới quy hoạch. Đối chiếu biên bản xem xét thẩm định tại chỗ 22-8-2022, 12-7-2023 xác định vị trí đất tranh chấp như sau: Bức tường 10

tại cuối đất của bà D kéo ra phía sau về hướng đông đất ông Quang đang sử dụng là 8m, tại vị trí 8m này là nền xi măng không có điểm mốc, về hướng bắc cũng tại vị trí 8m từ cuối đất của bà D kéo ra phía sau về hướng Đông vị trí 8m cũng là nền xi măng, không có điểm mốc, trên diện tích 72 m² tranh chấp này có cây lộc vừng và cây khế do ông Q trồng vào năm 2019. Đối chiếu với yêu cầu của bà D sau trụ điện 0,5m kéo dài ra phía sau đủ 20m là đất của bà, thực tế vị trí mét thứ 20 không trùng với vị trí 8m mà bà cho là phía bị đơn lấn chiếm. Tại BL257-259 Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ phù hợp với sơ đồ hiện trạng lồng ghép bản đồ thì từ vị trí cách tim đường 3,5m, kéo vào đến vị trí chân tường xây gạch B40 mà ông Q xây dựng để làm ranh đất giữa hai bên thì có chiều dài 22,84m, tiếp tục đo tới vị trí bà D xác định thì phần đất của bà D dài 30,84m. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D nhưng không tuyên diện tích đất tranh chấp là chưa đầy đủ.

[6] Về án phí: Bà D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6.1] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà D tự nguyện chịu 800.000 đồng (tám trăm ngàn). Ghi nhận đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm; điều chỉnh cách tuyên.

2. Căn cứ Điều 166; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Nguyễn Văn M, phần đất diện tích 72 m², có tứ cận:

- + Đông giáp thửa 1275 đất ông Q đang sử dụng NGng 9m;
- + Tây giáp thửa 418 đất hậu của bà D NGng 9m;
- + Nam giáp thửa 1363 đất ông Q đang sử dụng dài 8m;
- + Bắc giáp thửa 408 nhà, đất ông Tịnh bà Vũ đang sử dụng dài 8m.

3. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ chịu 21.888.000 đồng (hai mươi triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn). Ghi nhận bà D đã nộp xong.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà D tự nguyện chịu 800.000 đồng (tám trăm ngàn). Ghi nhận đã nộp xong

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D được miễn tiền án phí theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao Hà Nội (Vụ 2);
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị TH Giang